

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2019/DS-ST
Ngày: 17/04/2019

NHÂN DANH

*V/v Tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản*

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh

2. Bà Dương Thị Thu Vân;

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 352/2018/TLST-DS ngày 06/12/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-DS ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị K** sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: 228 tổ 17 ấp P H, xã Q T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P,** sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N B, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà K trình bày: vào ngày 06/5/2018 âm lịch bà K có bán cho bà P 01 số tài sản gồm: 01 cặp loa 03 tact, 01 cái giường sắt, 01 cái sòng chén bằng inox, 10 cái ghế mũ, 01 cái micro với giá tiền là 4.230.000 đồng, hai bên có làm biên nhận mua bán thống nhất tới tháng 5/2018 trả tiền, tuy nhiên bà P không thực hiện việc trả tiền cho đến nay. Nay bà K yêu cầu bà P trả số tiền nợ mua bán tài sản là 4.230.000 đồng, thực hiện trả hai lần, lần thứ nhất trả 2.230.000 đồng khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, lần thứ hai thời hạn 01 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật trả số tiền còn lại là 2.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai bị đơn, đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án bà P trình bày: bà Nguyễn Thị P thừa nhận có mua của bà Võ Thị K các tài sản bao gồm 01 cặp loa 03 tact, 01 cái giường sắt, 01 cái sòng chén bằng inox, 10 cái ghế mũ, 01 cái micro với giá tiền là 4.230.000 đồng và hiện bà P còn đang nợ tiền chưa trả 4.230.000 đồng cho bà Võ Thị K. Nay bà P xin trả dần mỗi tháng 100.000 đồng cho đến khi hết số nợ 4.230.000 đồng cho bà K và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: bà K khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền nợ do mua bán tivi và anten xoay 4.230.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa bà K và bà P là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” được xem xét giải quyết theo Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà P có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà K:

Căn cứ vào “Biên nhận mua bán” ngày 06/5/2018 âm lịch, bản tự khai cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định: vào ngày 06/5/2018 âm lịch giữa bà K và bà P có thỏa thuận mua bán các tài sản: 01 cặp loa 03 tấc, 01 cái giường sắt, 01 cái sòng chén bằng inox, 10 cái ghế mũ, 01 cái micro với giá tiền là 4.230.000 đồng, hai bên có làm biên nhận mua bán thống nhất tới tháng 5/2018 trả tiền, bà K đã giao các tài sản trên cho bà P sử dụng, tuy nhiên bà P lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, cho đến nay vẫn còn nợ số tiền 4.230.000 đồng, do đó bà K khởi kiện yêu cầu phía bị đơn bà P trả số tiền 4.230.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P thừa nhận có mua bà Võ Thị K các tài sản bao gồm 01 cặp loa 03 tấc, 01 cái giường sắt, 01 cái sòng chén bằng inox, 10 cái ghế mũ, 01 cái micro với giá tiền là 4.230.000 đồng nhưng cho đến nay bà P chưa thực hiện trả tiền cho bà K. Bà P có ý kiến xin trả dần mỗi tháng 100.000 đồng cho bà K cho tới khi hết số nợ 4.230.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà Võ Thị K, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K, trình bày của bà Nguyễn Thị P về việc xin trả dần hàng tháng số nợ 4.230.000 đồng với hình thức trả 100.000 đồng/tháng không được phía nguyên đơn bà K đồng ý và không có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu trả số tiền nợ mua bán của bà K yêu cầu bị đơn trả số nợ hai lần, lần thứ nhất trả 2.230.000 đồng thực hiện khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, lần thứ hai thời hạn 01 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thực hiện trả số tiền còn lại là 2.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ 4.230.000 đồng, thực hiện trả hai lần, lần thứ nhất trả 2.230.000 đồng thực hiện khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, lần thứ hai thời hạn 01 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thực hiện trả số tiền còn lại là 2.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị K được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn bà Võ Thị K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434, Điều 436, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 357, Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị K

Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị K số tiền 4.230.000 đồng, thực hiện trả 02 lần, lần thứ nhất khi bản án có hiệu lực pháp luật trả 2.230.000 đồng, lần thứ hai thời hạn 01 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật trả số tiền còn lại 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án

Về án phí: + Hoàn lại nguyên đơn bà K số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0009039 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành.

+ Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc Tường

